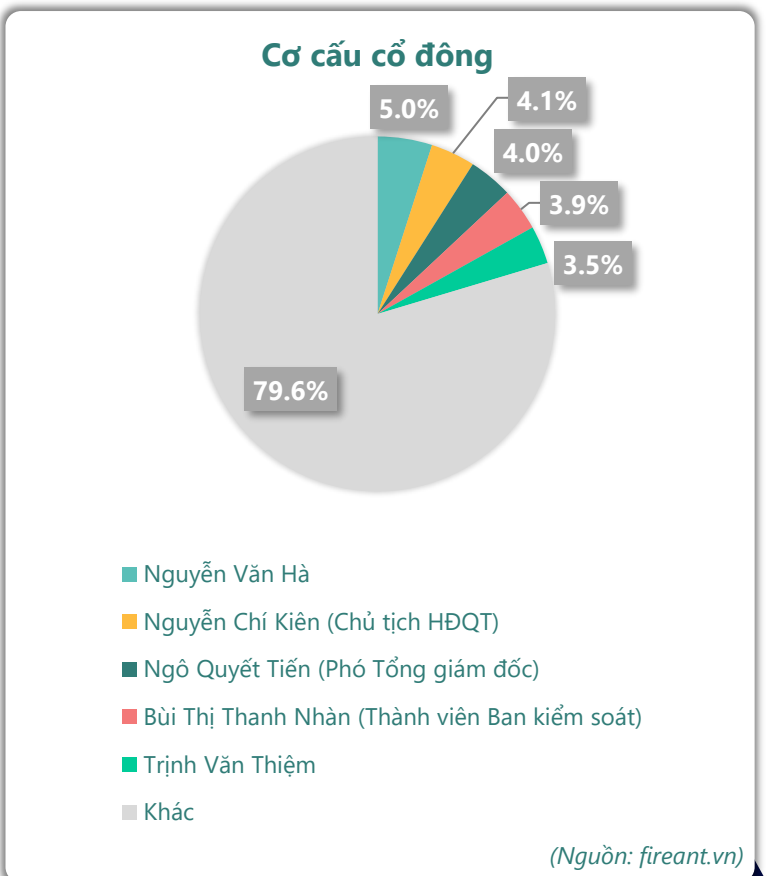
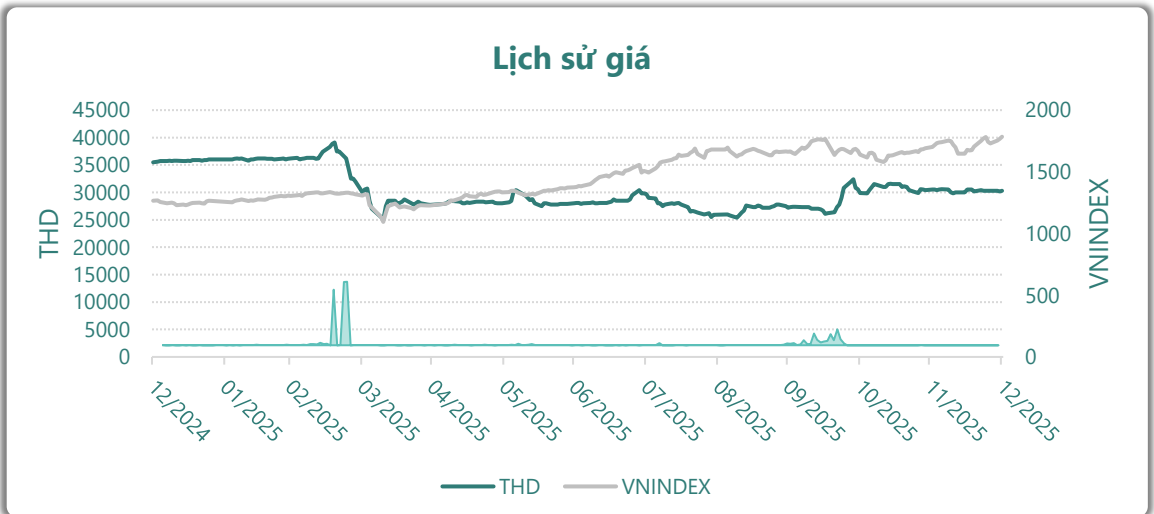
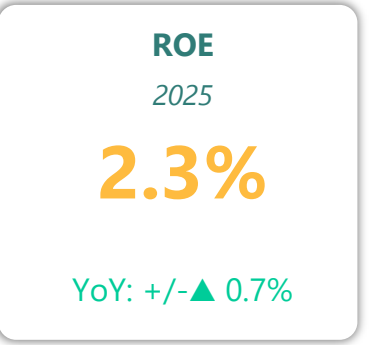
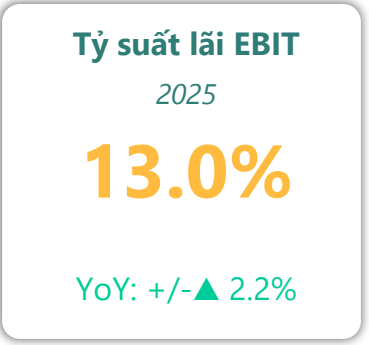
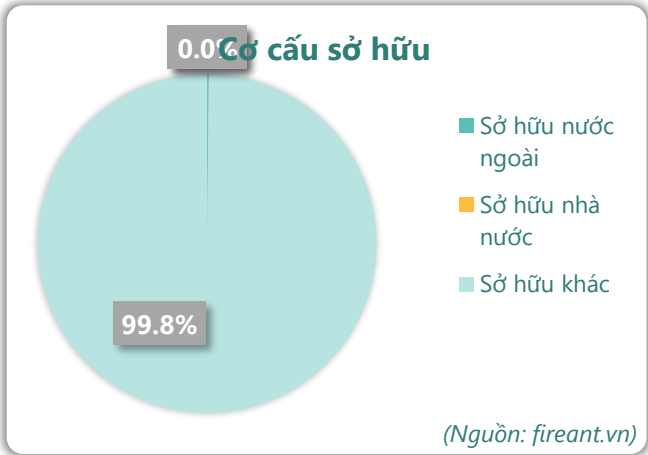


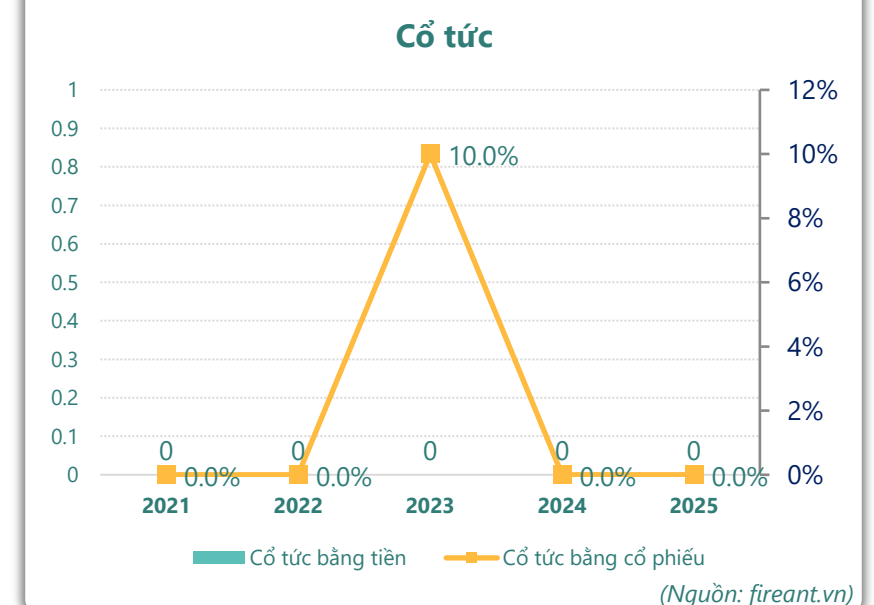
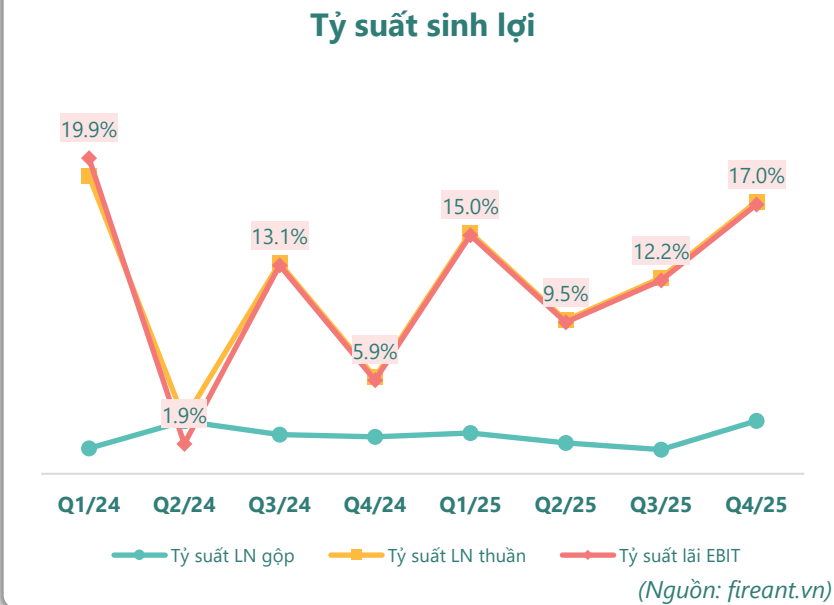
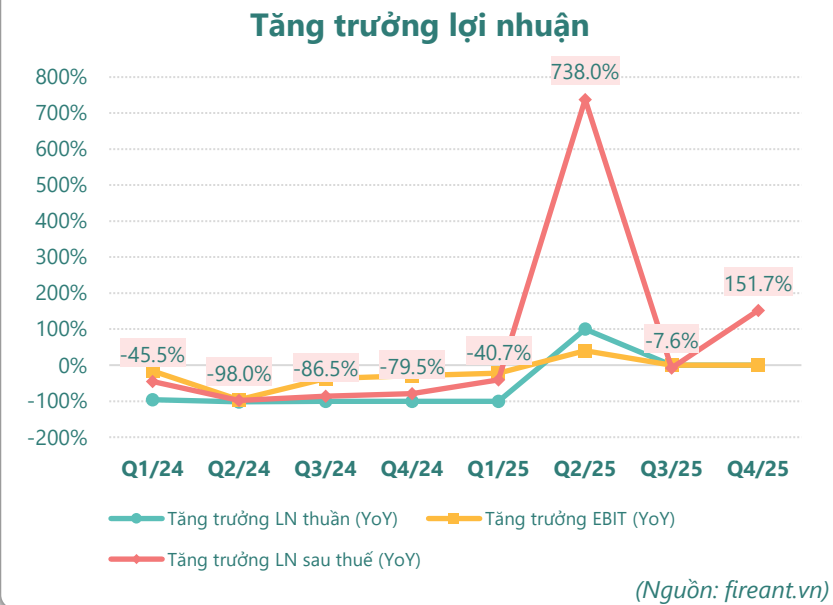
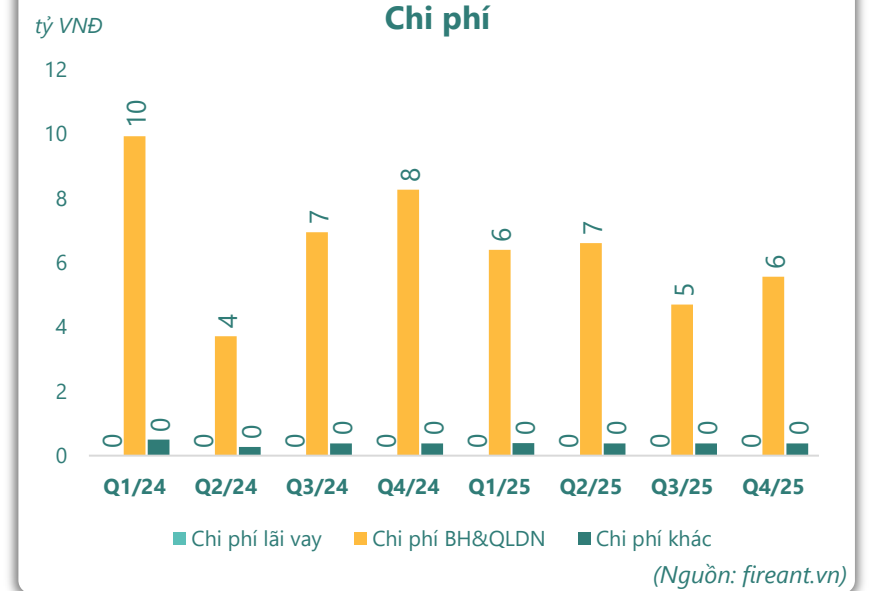
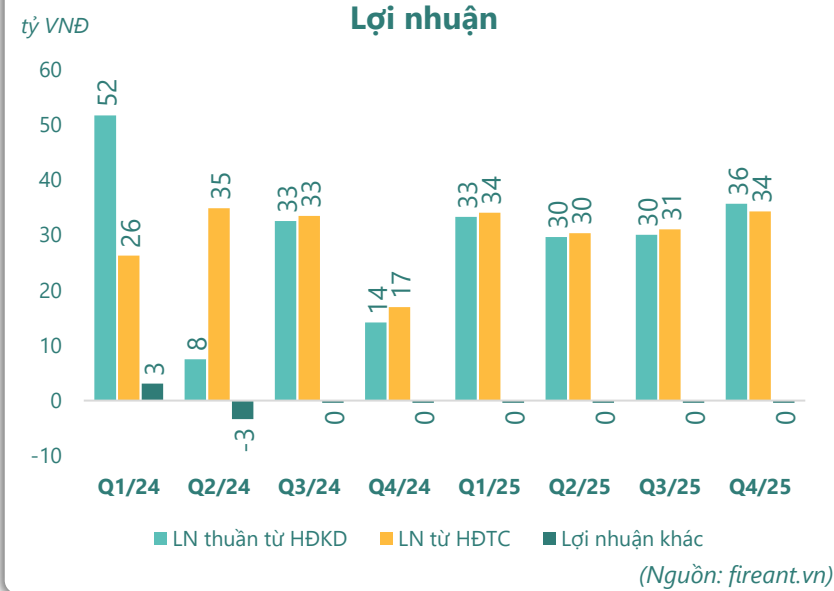
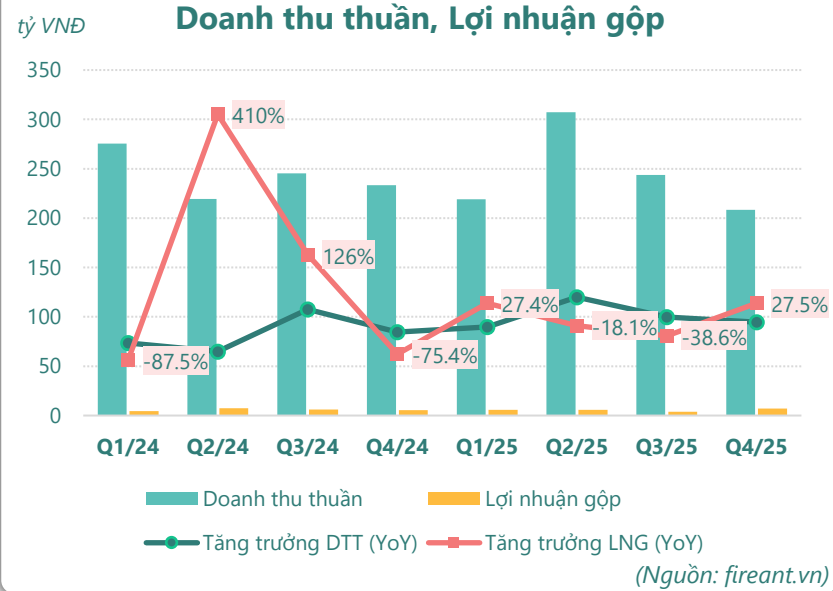
CTCP Thaiholdings

Ngày 31/12/2025	30,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.7%	11.0%	7.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,000 - 39,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,665
Số lượng CPLH (CP)	384,999,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,970
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.29
EPS	264
P/E	114.9



KẾT QUẢ KINH DOANH

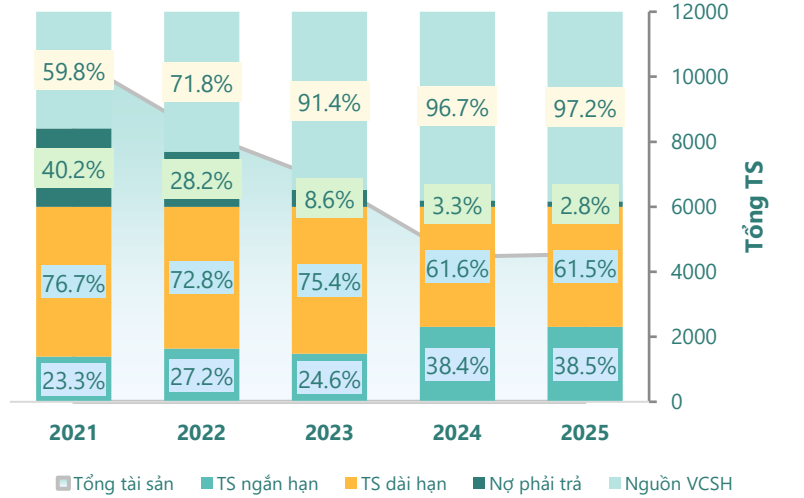


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

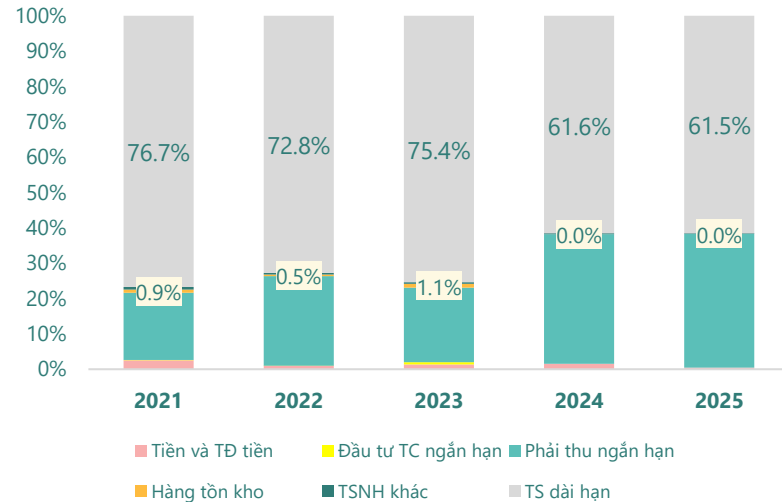
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

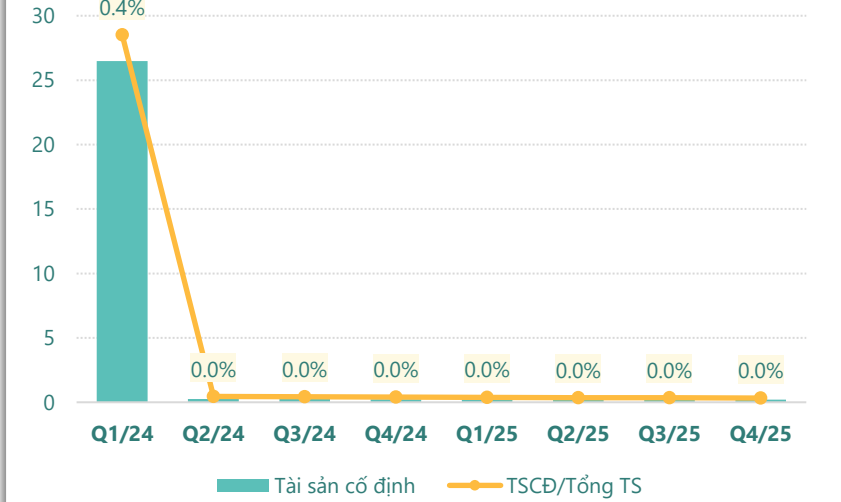
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

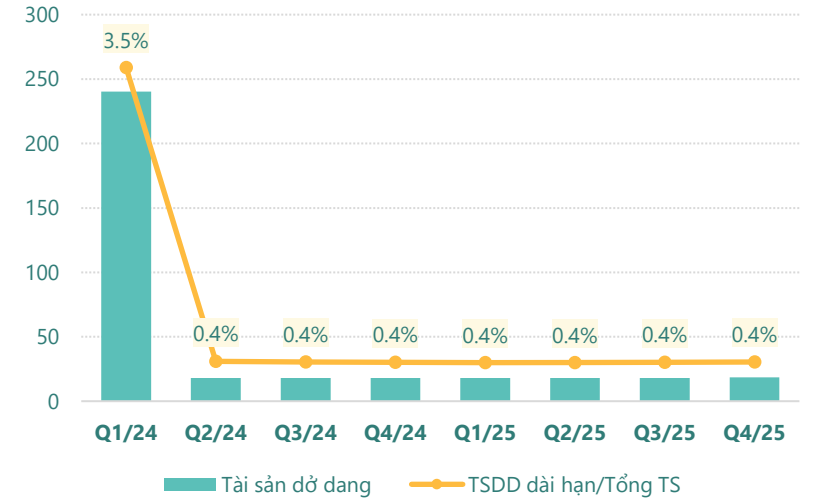
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

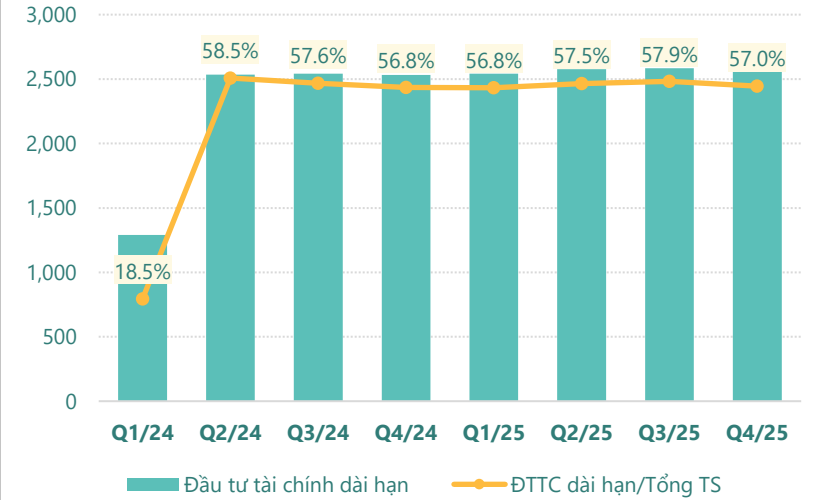
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

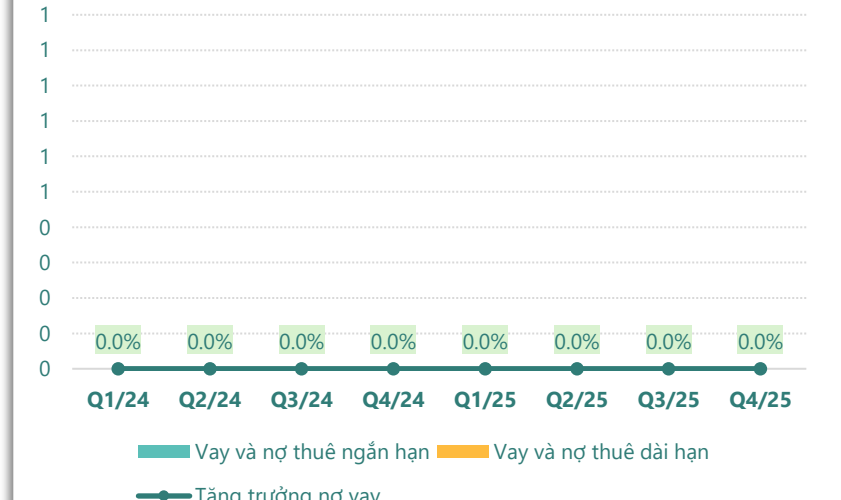
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

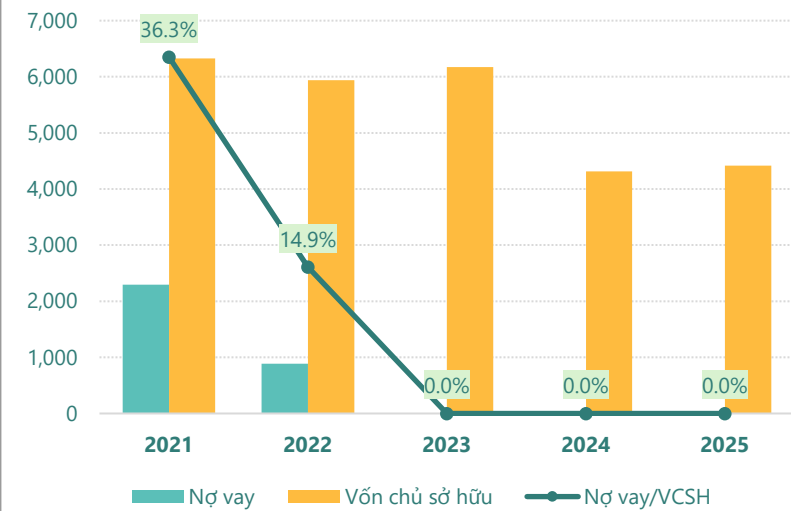


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

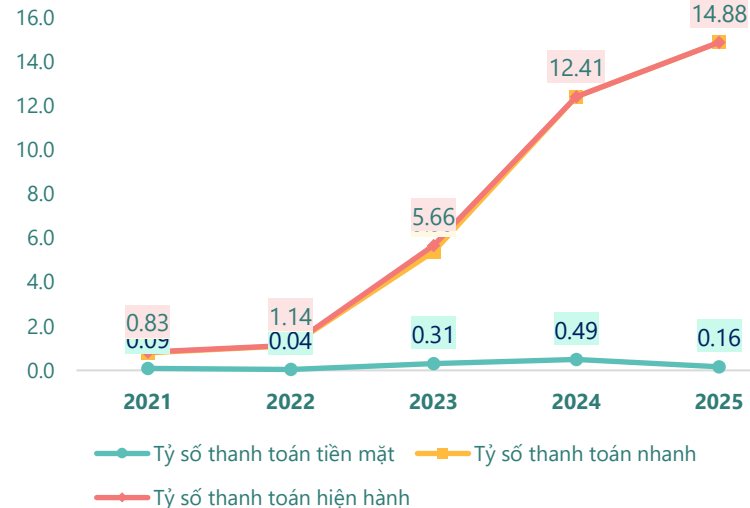
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



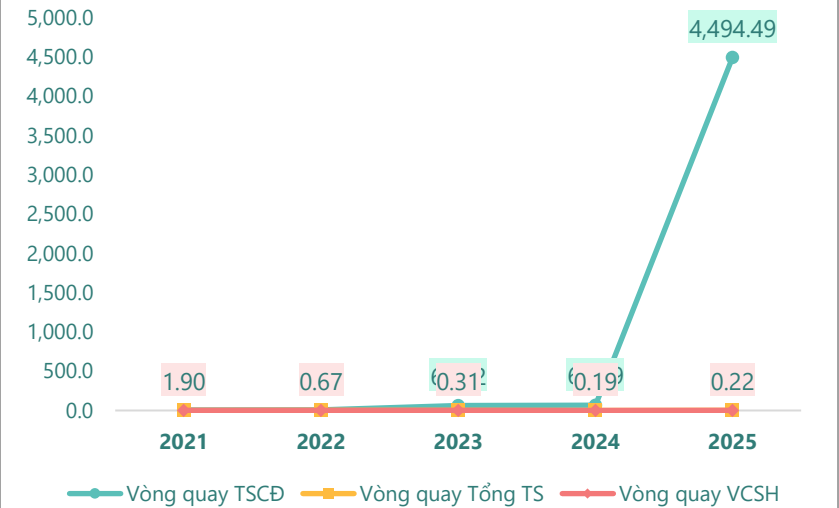
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



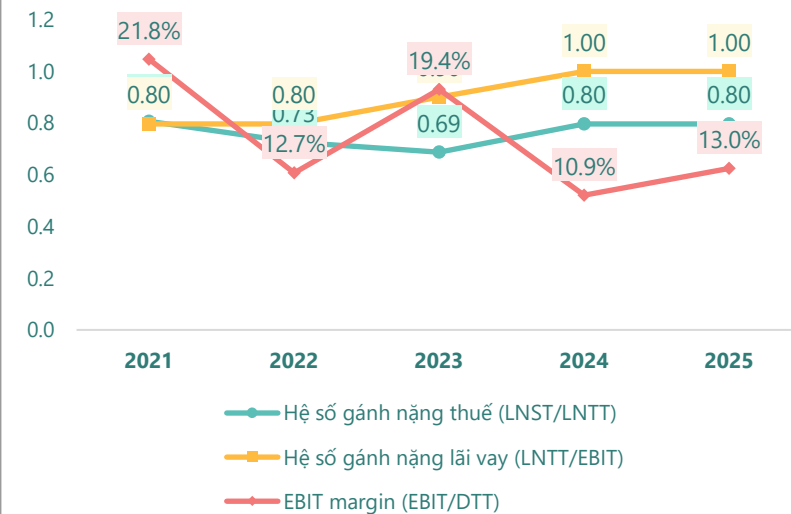
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



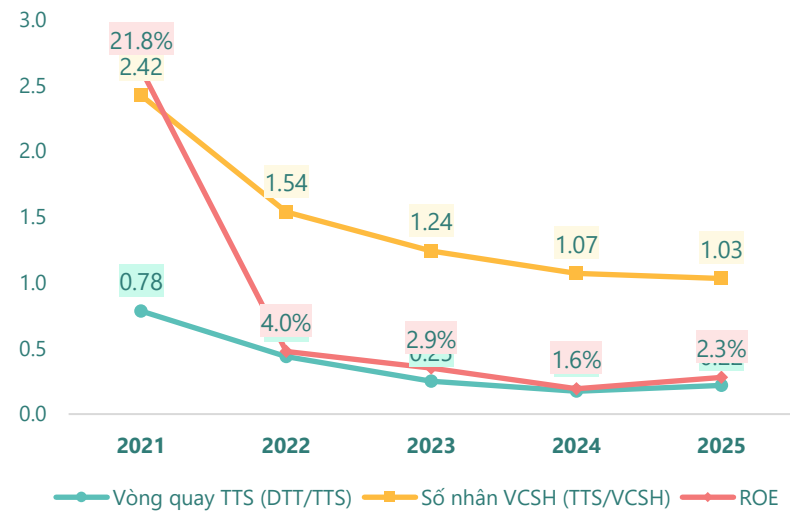
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



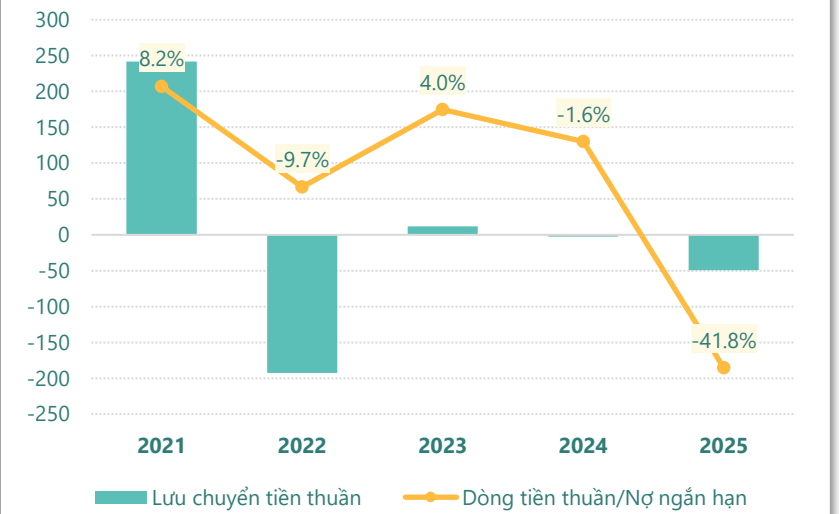
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	208	233	-10.5%	979	974	0.5%
Giá vốn hàng bán	201	228	-11.6%	956	950	0.6%
Lợi nhuận gộp	6.95	5.45	27.6%	22.2	23.2	-4.0%
Doanh thu HĐTC	27.6	26.0	6.1%	98.4	91.4	7.7%
Chi phí TC	-6.77	8.96	-176%	-31.5	-20.4	-54.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.05	0.74	41.3%	2.62	1.71	53.5%
Chi phí QLDN	4.52	7.54	-40.0%	20.7	26.4	-21.8%
LN thuần từ HĐKD	35.7	14.2	152%	129	107	20.7%
Lợi nhuận khác	-0.38	-0.38	-1.3%	-1.54	-1.10	-40.1%
LN trước thuế	35.4	13.8	156%	127	106	20.5%
Lợi nhuận sau thuế	28.2	10.9	159%	101	84.2	20.5%
LNST của CĐ cty mẹ	28.2	10.9	159%	101	84.2	20.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.7	63.4	-8.40	-9.70	0.55	12.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-8.27	-48.0	12.4	-8.00	-0.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	33.9	13.2	68.3	11.9	14.6	7.13
Lưu chuyển tiền thuần	-20.7	55.1	-56.4	2.66	-7.44	12.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	13.2	68.3	11.9	14.6	7.13	19.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,543	4,460	1.9%
Tài sản ngắn hạn	1,749	1,714	2.1%
Tiền và tương đương tiền	19.2	68.3	-71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,722	1,635	5.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.28	10.7	-22.6%
Tài sản dài hạn	2,794	2,746	1.7%
Phải thu dài hạn	93.0	92.7	0.4%
Tài sản cố định	0.20	0.24	-15.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.5	17.9	3.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,591	2,533	2.3%
Tài sản dài hạn khác	91.5	102	-10.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	128	146	-12.6%
Nợ ngắn hạn	118	138	-14.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	74.5	101	-26.1%
Nợ dài hạn	10.1	7.97	26.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,415	4,314	2.4%
Vốn chủ sở hữu	4,415	4,314	2.4%
Vốn điều lệ	3,850	3,850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

